

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Câu 1. Quy mô dân số thế giới hiện nay

- A. đông và tăng rất chậm. B. nhỏ và tăng nhanh.
C. đông và đang tăng lên. D. nhỏ và giảm nhanh.

Câu 2. Gia tăng cơ học **không** ảnh hưởng lớn đến vấn đề dân số của

- A. một quốc gia. B. một khu vực. C. vùng lãnh thổ. D. toàn thế giới.

Câu 3. Tỉ suất tử thô trên thế giới có xu hướng giảm chủ yếu do

- A. khoa học - kĩ thuật phát triển và chính sách dân số.
B. phát triển văn hóa - xã hội và an ninh quốc phòng.
C. điều kiện sống được cải thiện và sự tiến bộ về y tế.
D. mức sống tăng nhanh và chính trị xã hội ổn định.

Câu 4. Nhân tố có tác động quyết định đến sự phân bố dân cư là

- A. các yếu tố của khí hậu (nhiệt, mưa, ánh sáng).
B. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.
C. lịch sử khai thác lãnh thổ, quá trình xuất cư.
D. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.

Câu 5. Cơ cấu ngành kinh tế **không** phản ánh

- A. việc sử dụng lao động theo ngành. B. trình độ phát triển lực lượng sản xuất.
C. trình độ phân công lao động xã hội. D. việc sở hữu kinh tế theo thành phần.

Câu 6. Nguồn lực nào sau đây có vai trò chủ yếu giúp tăng năng suất lao động?

- A. Lịch sử - văn hóa. B. Vị trí địa lí.
C. Khoa học - công nghệ. D. Nguồn vốn đầu tư.

Câu 7. Nhân tố nào sau đây ảnh hưởng chủ yếu đến quy mô sản xuất của ngành trồng trọt?

- A. sinh vật. B. khí hậu. C. đất trồng. D. vị trí địa lí.

Câu 8. Cây lúa mì ưa khí hậu

- A. nóng, mưa nhiều. B. ẩm, khô. C. lạnh, mưa nhiều. D. nóng, khô.

Câu 9. Ngành chăn nuôi phụ thuộc chặt chẽ vào

- A. đồng cỏ tự nhiên. B. cơ sở chuồng trại. C. dịch vụ thú y. D. cơ sở thức ăn.

Câu 10. Nuôi trồng thủy sản nước mặn thường ở

- A. sông ngòi. B. vịnh biển. C. đầm phá. D. ao, hồ.

Câu 11. Cho bảng số liệu:

Số dân và mật độ dân số thế giới giai đoạn 1995 - 2020

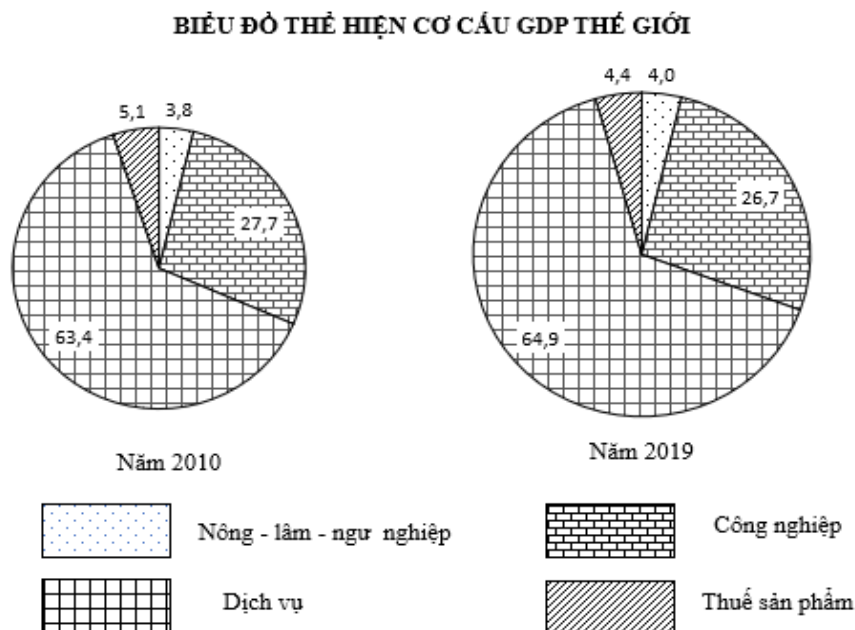
Năm	1995	2005	2015	2020
Số dân (triệu người)	5744,2	6541,9	7379,8	7794,8
Mật độ dân số (người/km ²)	39,0	44,0	50,0	52,0

(Nguồn: danso.org)

Để thể hiện số dân và mật độ dân số trên thế giới giai đoạn 1995 - 2020, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp. B. Cột. C. Đường. D. Tròn.

Câu 12. Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A.** Tỷ trọng nông-lâm-ngư nghiệp giảm.
B. Tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh.
C. Dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất.
D. Công nghiệp có tỷ trọng nhỏ nhất.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Câu 13. (3,0 điểm)

- a.** Trình bày vai trò của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
b. Vì sao sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phụ thuộc nhiều vào tự nhiên?

Câu 14. (4,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

Số dân thành thị và số dân nông thôn của thế giới giai đoạn 1960 - 2020

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1960	1980	1990	2020
Số dân thành thị	1024	1754	2290	4379
Số dân nông thôn	2011	2704	3037	3416

(Nguồn: danso.org)

- a.** Vẽ biểu đồ cột thể hiện số dân thành thị và số dân nông thôn của thế giới giai đoạn 1960 - 2020.
b. Nhận xét sự thay đổi của số dân thành thị và số dân nông thôn trong giai đoạn trên.

----- Hết -----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BẮC NINH**

**HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2022 - 2023
Môn: Địa lí - Lớp 10**

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	C	B	D	C	C	B	D	B	A	C

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**Câu 13. (3,0 điểm)**

Ý	Nội dung	Điểm
a	Trình bày vai trò của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	2,0
	- Sản xuất ra lương thực, thực phẩm cho con người, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi.	0,5
	- Nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp.	0,5
	- Tạo nguồn hàng cho xuất khẩu, thu ngoại tệ và đảm bảo an ninh lương thực cho mỗi quốc gia.	0,5
	- Tạo việc làm và thu nhập cho người dân, giữ cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường. (Lưu ý: HS trình bày các vai trò khác đảm bảo chính xác vẫn được điểm tối đa)	0,5
b	Vì sao sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên ?	1.0
	- Trong nông nghiệp, đất là tư liệu sản xuất; cây trồng, vật nuôi là đối tượng sản xuất.	0,5
	- Mỗi loại cây trồng, vật nuôi chỉ có thể sinh trưởng và phát triển trong những điều kiện tự nhiên nhất định.	0,5

Câu 14. (4,0 điểm)

Ý	Nội dung	Điểm
a	Vẽ biểu đồ cột thể hiện số dân thành thị và số dân nông thôn của thế giới giai đoạn 1960-2020.	3,0
	- Vẽ biểu đồ: cột (các dạng khác không được điểm) - Biểu đồ chính xác, đúng tỉ lệ trên trục tung, có đơn vị, chú giải ... thiếu mỗi chi tiết trừ 0,25 điểm.	3,0
b	Nhận xét sự thay đổi của số dân thành thị và số dân nông thôn trong giai đoạn trên.	1,0
	- Số dân thành thị và số dân nông thôn tăng liên tục qua các năm. Trong đó: + Số dân nông thôn tăng lên (d/c) + Số dân thành thị tăng nhanh (d/c)	0,25 0,25 0,25
	- Số dân thành thị tăng nhanh hơn số dân nông thôn (d/c)	0,25